

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Nhân.

2. Ông Lê Hùng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: **10/2021/QĐST-HN** ngày 22 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc Th, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Th trình bày: Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào đầu năm 2012 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thuận, huyện Bến Cầu. Vợ chồng chung sống không có con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh T không đi làm kiếm thu nhập để chi phí sinh hoạt trong gia đình, lại thường xuyên sử dụng và nghiện ma túy, hơn nữa anh T còn quen biết người phụ nữ khác nên anh chị thường xuyên cãi vã nhau, chị có khuyên và tha thứ nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi tiếp tục sử dụng ma túy. Vào khoảng tháng 7/2020 chị có nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh T, sau đó anh T năn nỉ tha thiết sẽ sửa đổi nên chị đồng ý và rút đơn. Nhưng từ thời điểm đó cho đến nay anh T vẫn không thay đổi nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và hiện tại anh T đang bị

tạm giam do có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên không thể nào tiếp tục chung sống. Do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Dương Văn T trình bày:* Anh thống nhất lời trình bày của chị Th về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th, vì anh đang phải chịu áp lực phạm tội phải chấp hành án, anh chỉ đồng ý ly hôn với chị Th khi nào anh chấp hành án xong. Đồng thời anh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th; con chung không có; tài sản và nợ chung, chị Th khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Th và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Th và anh T chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị Th yêu cầu ly hôn, do anh T nghiện ma túy, không tạo ra thu nhập chi phí phụ giúp trong gia đình, chị Th khuyên nhủ nhiều lần mà anh T vẫn không thay đổi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và anh chị sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy, chị Th cũng đã tạo điều kiện nhưng anh T không sửa đổi, thời gian sống ly thân chị Th và anh T không gặp nhau bàn bạc hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai và hiện tại anh T đang bị tạm giam về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và có hành vi tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép, chứng tỏ anh T vẫn không từ bỏ ma túy và không có thiện chí hàn gắn gia đình, hơn nữa tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2021 anh T không yêu cầu đoàn tụ mà đồng ý ly hôn khi nào anh chấp hành án xong. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị Th và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc Th với anh Dương Văn T. Chị Th được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014699 ngày 01-3-2020 của Chi cục T hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long Thuận, số 14/2018;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui